

Số 700

Tp. Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 04 năm 2008

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**TỪ NGÀY 01/01/2007 ĐẾN NGÀY 31/12/2007**

*Kính gửi:* **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIÊN CHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính niên khóa từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007 từ trang 02 đến trang 08 của Quý Trung Tâm bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động, và Thuyết minh báo cáo tài chính trong phạm vi tỉnh Bình Thuận.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Trung Tâm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

*Cơ sở ý kiến:*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán và kiểm toán Việt Nam và quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Quá trình kiểm toán được thực hiện theo các phương pháp qui định, xem xét các bằng chứng liên quan đến những số liệu và giải trình trong báo cáo tài chính nhằm kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi cho rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

*Ý kiến của kiểm toán viên:*

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trung Tâm vào ngày 31/12/2007. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động phản ánh trung thực về các hoạt động của Trung Tâm trong năm kiểm toán từ ngày 01/01/2007 đến 31/12/2007. Báo cáo được soạn thảo dựa trên những chuẩn mực Kế toán quốc tế được chấp nhận và có nội dung phù hợp với đặc điểm riêng biệt của Trung Tâm tại tỉnh Bình Thuận.

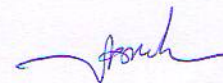
Kính chào trân trọng

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - CPA**



**ĐẶNG ĐỨC CHUYÊN**  
Số CC KTV: 0345/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**NGUYỄN TẤN BÌNH**  
Số CC KTV: 0843/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2007

Mã	KHOẢN MỤC	31/12/2007	31/12/2006
	<b>TÀI SẢN</b>		
	<b>Tài sản cố định</b>		
010	Tài sản cố định vô hình - Giá trị cửa hàng		
014	Tài sản cố định vô hình - khác		
028	Tài sản cố định hữu hình	167,222,000	2,450,000
040	Tài sản tài chính ( cho vay)	1,274,580,100	
044	<b>Cộng tài sản cố định (I)</b>	<b>1,441,802,100</b>	<b>2,450,000</b>
	<b>Tài sản lưu động</b>		
050	Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho		-
060	Hàng hoá tồn kho		
064	tiền ứng trước theo đơn đặt hàng		
068	Trái quyền khách hàng và các TK liên quan khác		
072	Các trái quyền khác	101,878,100	14,793,292
084	Tiền gửi ngân hàng	1,659,410,636	477,927,270
088	Tiền tại quỹ	21,574,221	695,433
092	Chi phí trả trước		
096	<b>Cộng tài sản lưu động ( II)</b>	<b>1,782,862,957</b>	<b>493,415,995</b>
110	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)</b>	<b>3,224,665,057</b>	<b>495,865,995</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>		
	<b>Vốn hoạt động</b>		
120	Vốn xã hội hay cá nhân	1,409,837,847	
124	Chênh lệch về đánh giá lại		
126	Dự trữ pháp định		
130	Dự phòng theo quy định		
132	Dự trữ khác		
134	Chuyển sang niên độ mới	495,865,995	
136	Kết quả niên độ	778,724,849	495,865,995
140	Dự phòng theo quy định		
142	<b>Cộng vốn hoạt động (I)</b>	<b>2,684,428,691</b>	<b>495,865,995</b>
	<b>Nợ</b>		
154	Dự phòng rủi ro và chi phí		
156	Tiền vay và các khoản nợ liên quan	64,005,000	
164	Tạm ứng và trả trước theo đơn đặt hàng		
166	Phải trả nhà cung cấp và các khoản liên quan		
172	Các khoản nợ khác	476,231,366	
174	Lợi tức nhận trước		
176	<b>Cộng Nợ (II)</b>	<b>540,236,366</b>	<b>-</b>
180	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (I+II)</b>	<b>3,224,665,057</b>	<b>495,865,995</b>





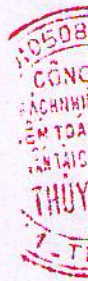
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Từ 01/01/2007 đến 31/12/2007

Mã	Diễn giải	Năm 2007	Năm 2006
	<b>THU NHẬP</b>		
70	Bán sản phẩm	842,485,815	366,641,080
701	Bán sản phẩm	838,485,815	336,641,080
703	Bán tài sản	4,000,000	
71	Cung cấp dịch vụ	2,500,000	30,000,000
72	Đánh giá lại tài sản	215,000	
74	Trợ cấp hoạt động	2,697,925,713	1,857,042,892
	Trợ cấp từ các nhà tài trợ	2,679,546,713	1,857,042,892
741	Trợ cấp khác	18,379,000	
76	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	63,598,704	20,789,960
766	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	48,249,722	16,010,829
768	lãi ngân hàng	15,348,982	4,779,131
768	lãi tín dụng	-	-
	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>3,606,725,232</b>	<b>2,244,473,932</b>
	<b>CHI PHÍ</b>		
60	Mua vật liệu	842,195,346	293,618,475
601	Mua nguyên liệu	807,552,826	282,644,043
(*)	Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ	25,471,500	8,897,000
606	Mua năng lượng	9,171,020	2,077,432
61	Chi phí dịch vụ	854,520,596	19,467,000
613	Chi phí cư trú	29,463,000	7,544,000
615	Chi phí sửa chữa, nhiên liệu	84,097,816	476,000
617	Chi phí đào tạo & dụng cụ, VPP	734,993,399	8,390,000
618	Chi phí khác	5,966,381	3,057,000
62	Chi phí di chuyển và dịch vụ khác	72,481,925	24,018,685
64	Chi phí nhân viên	617,995,350	169,483,000
65	Chi phí quản lý khác	-	
66	Chi phí tài chính	806,900	
67	Chi phí khác	440,000,266	1,242,020,777
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>2,828,000,383</b>	<b>1,748,607,937</b>
	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>778,724,849</b>	<b>495,865,995</b>
	Thuế thu nhập		
	<b>LỜI / LỖ</b>	<b>778,724,849</b>	<b>495,865,995</b>

(\*) Số cộng của TK 602,605







**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH BÌNH THUẬN  
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG  
THIỆN CHÍ**

317, Bùi thị Xuân – Phan Thiết ĐT/Fax:: (062).839147 Email:thichico@vnn.vn www.thienchi.org

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007

**1. Đặc điểm của đơn vị**

Hình thức: Trung Tâm Hỗ Trợ và Phát Triển Cộng Đồng Thiên Chí (gọi tắt TT Thiên Chí) là Tổ chức phi chính phủ địa phương, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165 QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Lĩnh vực hoạt động: tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn.

Phạm vi hoạt động: tỉnh Bình Thuận.

**2. Hình thức tổ chức sổ sách: dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST – FRANCE dùng để theo dõi quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 165 QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.**

**3. Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại Tỉnh Bình Thuận.

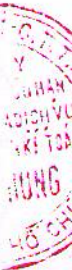
**3.1. Tài sản hoạt động**

Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 1.000.000 đồng. Không thực hiện khấu hao phân bổ trong các năm. Giá trị báo cáo là giá trị nguyên giá ban đầu.

	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Tài sản và dụng cụ làm việc	2.450.000	164.772.000	0	167.222.000
Tại Thiên Chí	2.450.000	5.130.000	0	7.580.000
VNPlus (Đức Linh) chuyển qua	0	108.367.000	0	108.367.000
TT vi tính tại VNPlus (Đức Linh) chuyển qua	0	51.275.000	0	51.275.000

**3.2 Tình hình nhân viên**

	Năm 2007	Năm 2006
Tổng số nhân viên (người) :	14	11
Tổng thu nhập của nhân viên (đ) :	523.297.000	165.320.000
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	3.964.371	1.252.424





Tổng thu nhập của nhân viên năm 2007 tăng 217% so với năm 2006. Bình quân thu nhập tăng là do chính sách tăng lương mới trong năm 2007 và có sự chuyển giao nhân viên từ Việt Nam Plus chuyển sang.

Chính sách tăng lương vẫn không thay đổi so với năm 2006. Tuy nhiên trong năm 2007 có điều chỉnh lương cho nhân viên với mức tăng đồng loạt 300.000 kể từ tháng 10 năm 2007. Cụ thể: Nhân viên làm việc đủ một năm được tăng 500.000 VNĐ/lần tăng, sáu tháng làm việc được tăng lương một lần với 3 mức:

- + Mức A: 300.000 VNĐ/lần tăng
- + Mức B: 200.000 VNĐ/lần tăng
- + Mức C: 100.000 VNĐ/lần tăng

TT Thiện Chí có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% bảo hiểm xã hội mình có), trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng 31/12/2007 : 100.830.000 đồng.

Việt Nam Plus thực hiện chế độ tự bảo hiểm xã hội tại tổ chức, bổ sung 9% chi phí tiền lương tháng tạo thành quỹ bảo hiểm. Và từ khi chuyển giao toàn bộ chương trình qua TT Thiện Chí thì Việt Nam Plus cũng chuyển toàn bộ quỹ bảo hiểm xã hội năm 2006 và 2007 cùng với thâm niên năm 2006 với tổng số tiền: 270.000.000 đ.

### 3.3. Hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay được thực hiện thông qua các nhóm. Lãi suất cho vay 1,2%/tháng đối với các khoản tín dụng phát triển kinh tế. Lãi suất cố định thu trong tám tuần đầu sau khi cho vay. Tiền cho vay hỗ trợ kinh tế lần 1: 500.000đ/hộ, lần 2: 800.000 đ/hộ, lần 3: 1.000.000 đ/hộ, lần 4: 1.200.000đ/hộ, lần 5: 1.500.000 đ/hộ, lần 6: 2.000.000 đ/hộ và dự án đang thí điểm mô hình vay trả hàng ngày (vay đặc biệt) 500.000 và 1.000.000 đ/hộ. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân thì dự án hỗ trợ cho 5 cá nhân vay 10.000.000 để trả lương và mua nguyên vật liệu để sản xuất, lãi suất cho vay 1%/tháng. Tiền cho vay hỗ trợ xã hội 250.000 đ/người hoặc 300.000đ/người dùng cho nhu cầu xây dựng hố xí. Cho vay hỗ trợ xã hội không tính lãi.

Hiện nay chương trình Tín dụng tiết kiệm còn tồn đọng nợ tại 1 số xã (nợ khó đòi). Tình hình nợ như sau:

#### 3.3.1 Cấp tín dụng

	Tổng cộng		Chương trình kinh tế		Chương trình xã hội	
	Lướt vay	VND	Lướt vay	VND	Lướt vay	VND
Tại 31/12/2007		676.960.000		676.960.000		
Vay tạo việc làm		30.000.000		30.000.000		
Vay hộ khó khăn		646.960.000		646.960.000		

#### 3.3.2 Nợ vay tín dụng

	Tổng cộng	Chương trình kinh tế		Đơn vị tính : VND
		Chương trình kinh tế	Chương trình xã hội	
Tại ngày 31/12/2007	297.620.100	238.663.100	58.957.000	
Dục Linh	297.620.100	238.663.100	58.957.000	



Trong đó các khoản nợ quá hạn vay tín dụng và xã hội: 238.663.100 đồng.

	Nợ tín dụng	Nợ xã hội
• Đức Linh:	238.663.100	58.957.000
o Tân Hà:	80.185.500	16.373.000
o Đức Hạnh:	10.473.000	2.014.000
o Đức Tín:	14.796.000	1.201.000
o Nam Chính:	114.788.600	39.184.000
o Vũ Hoà:	10.906.000	
o Đa Kai:	7.514.000	185.000

### 3.3.3 Chuyển giao vốn tín dụng xã quản lý

	Tổng cộng	Chương trình kinh tế	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31/12/2007	300.000.000	300.000.000	Chương trình xã hội
Đức Linh	300.000.000	300.000.000	

### 3.3.4 Thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2007: 0 đồng.

### 3.4 Chi phí cho hoạt động

Trong năm 2007, trung tâm Thiện Chí đã thực hiện các chương trình của dự án với các khoản chi phí như sau:

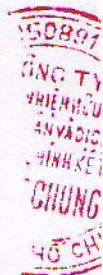
Chi tiết các khoản chi trong năm 2007 như sau:

Nội dung chi phí		Đơn vị tính : VND
		Số tiền
1. Chi phí nguyên liệu:		807,552,826
1.1 Chi phí hàng thủ công	807,552,826	
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ		25,471,500
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	12,976,000	
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	10,803,500	
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	1,692,000	
3. Chi phí năng lượng :		9,171,020
3.1 Chi phí gaz, điện , nước:	9,171,020	
4. Chi phí cư trú:		29,463,000
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	29,463,000	
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:		84,097,816
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	84,097,816	
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ ,văn phòng phẩm		734,993,399
6.1 Chi phí ngày 31/05(Ngày không hút thuốc lá)	18,285,500	
6.2 Chi phí tập huấn nhóm viên tiết kiệm tín dụng	2,122,500	
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	27,887,000	
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	58,604,500	
6.5 Chi phí vật liệu giáo dục	1,600,000	
6.6 Chi phí tập huấn y tế học đường	30,834,000	
6.7 Chi mua thiết bị cho trường học	32,938,500	
6.8 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học	1,167,000	
6.9 Chi cấp học bổng	165,720,000	
6.10 Chi phí cho đối tác	27,927,000	
6.11 Chi phí đào tạo nhân viên	21,661,899	
6.12 Chi phí diễn kịch	98,728,000	
6.13 Chi phí tập huấn đội kịch	24,323,000	
6.14 Chi phí mua thuốc hồ hấp	15,516,400	
6.15 Chi phí mua thuốc tắm ngừa chống bệnh sốt rét	25,166,000	
6.16 Chi phí hồ xí sạch cộng đồng	43,700,000	
6.17 Chi phí xử lý rác	11,550,000	





6.18 Chi phí kiểm toán	5,643,000	
6.19 Chi phí thẩm định mở rộng dự án	6,192,000	
6.20 Chi phí tập huấn phụ nữ	31,842,100	
6.21 Chi phí cho hộ khó khăn	10,955,000	
6.22 Chi phí trồng cây	68,930,000	
6.23 Chi phí thu gom bao nylon	3,700,000	
<b>7. Chi phí khác :</b>		5,966,381
7.1 Chi phí linh tinh	5,966,381	
<b>8. Chi phí di chuyển và dịch vụ khác :</b>		72,481,925
8.1 Chi phí vận chuyển	13,154,000	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	27,012,000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	32,315,925	
<b>9. Chi phí nhân viên :</b>		617,995,350
9.1 Chi phí lương nhân viên	520,980,000	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	55,934,000	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	2,317,000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	38,764,350	
<b>10. Chi phí tài chính :</b>		806,900
10.1 Chi phí ngân hàng 93	180,003	
10.2 Chi phí ngân hàng 94	168,000	
10.3 Chi phí ngân hàng 95	30,653	
10.4 Chi phí ngân hàng 96	110,445	
10.5 Chi phí ngân hàng 16	317,799	
<b>11. Chi phí tài trợ:</b>		440,000,266
11.1 Tài trợ cho Tấnh linh	150,000,008	
11.2 Tài trợ cho Hàm Thuận Nam	290,000,258	
<b>Tổng cộng</b>		<b>2,828,000,383</b>





4. Nguồn tài trợ

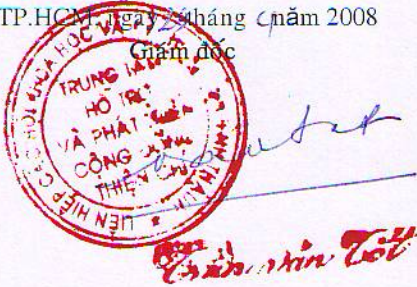
Các nguồn tài trợ nhận được trong năm 2007:

I. Sources	2,679,546,713
AJWS	161,292,383
M.Janssens	316,631,322
Lucile	130,608,173
Mc Knight	810,008,010
Bio Lab	15,852,102
Việt Nam Plus VN	904,000,000
Terre D'Occreations	10,616,644
Private Donations	50,000,000
Staf Henderrickx	10,617,929
DSQ Australia	169,920,150
Viet Nam Quilt	100,000,000

Tổng vốn hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 là: 2.684.428.691 VNĐ

TP.HCM, ngày 2 tháng Năm 2008

Giám đốc



Chấn hưng Tổ quốc